TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**

**TÀI LIỆU**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2014**

*Quảng Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2014*

**MỤC LỤC**

**TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2014**

| **STT** | **Danh mục tài liệu** | | **Trang** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương trình làm việc của Đại hội | | 3 - 4 |
| 2 | Báo cáo kết quả SXKD năm 2013 và nhiệm vụ, giải pháp điều hành SXKD năm 2014 | | 5 - 9 |
| 3 | Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2013 | | 10 - 12 |
| 4 | Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 | | 13 |
| 5 | Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2013, đề xuất thù lao HĐQT, BKS năm 2014 | | 14 |
| 6 | Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2014 | | 15 |
| 7 | Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2013và phương hướng nhiệm vụ năm 2014 | | 16 - 22 |
| 8 | Báo cáo của Ban Kiểm soát giám sát hoạt động quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành năm 2013 và Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013 | | 23 - 32 |
| 9 | Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty | | 33 |
| 10 | Tờ trình phê chuẩn thông qua việc thay đổi uỷ viên HĐQT giữa nhiệm kỳ | | 34 |
| 11 | Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông | | 35 - 38 |
| 12 | Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên | | 39 - 42 |
| 13 | Phiếu đặt câu hỏi tại Đại hội | | 43 |
| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN** | | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** | | |
|  | | |  | | |

**CHƯƠNG TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**

**(Ngày 16 tháng 4 năm 2014)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Người điều hành** |
| 1 | Từ : 7h30’ - 8h30':  Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết. | Ban kiểm tra tư cách Cổ đông và tổ giúp việc |
| 2 | Từ 8h30’:  - Ổn định tổ chức;  - Thông qua chương trình làm việc và Quy chế làm việc của Đại hội.  - Giới thiệu đại biểu và mời Chủ tọa lên điều hành Đại hội. | Ông Nguyễn Tiến Sách: Ban tổ chức đại hội |
| 3 | - Cử Thư ký và tổ giúp việc Đại hội;  - Đề cử ban kiểm phiếu Đại hội và biểu quyết thông qua | Ông Doãn Văn Quang: Chủ tịch HĐQT |
| 4 | - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông. | Ông Vũ Ngọc Xuân: Trưởng ban KT TC CĐ. |
| 5 | - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 và Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014. | Ông Khuất Mạnh Thắng- UVHĐQT- Giám đốc điều hành Công ty |
| 6 | - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014 | Ông Bùi Văn Kiểm - Uỷ viên Hội đồng Quản trị- P.Giám đốc |
| - Các Tờ trình của HĐQT về việc:  (1) Phê chuẩn việc thay đổi uỷ viên HĐQT giữa nhiệm kỳ;  (2) Sửa đổi Điều lệ theo Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013; |
| 7 | - Báo cáo tóm tắt BCTC năm 2013 đã được kiểm toán. | Bà Phạm Thị Hải: UVHĐQT-  Kế toán truởng. |
| - Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013; và Kế hoạch lợi tức 2014. |
| - Báo cáo chi trả tiền thù lao năm 2013 và đề xuất mức thù lao năm 2014 cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát; |
| 8 | - Báo cáo của BKS về hoạt động quản lý công ty năm 2013 và Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán; | Ông Mai Tất Lã:  Trưởng ban Kiểm soát. |
| - Báo cáo về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. |
| 9 | - Đại hội thảo luận | Ông Doãn Văn Quang: Chủ tịch HĐQT |
| 10 | - Thông qua Quy chế biểu quyết qua phiếu | Ông Vũ Ngọc Xuân: Trưởng ban bầu cử |
| 11 | - Bỏ phiếu thông qua các nội dung Đại hội | Ông Doãn Văn Quang: Chủ tịch HĐQT |
| 12 | - Nghỉ giải lao |  |
| 13 | - Công bố kết quả biểu quyết | Ông Vũ Ngọc Xuân: Trưởng ban bầu cử |
| 14 | - Trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội | Thư ký Đại hội |
| 15 | - Biểu quyết thông qua Biên bản- Nghị quyết Đại hội và bế mạc Đại hội | Ông Doãn Văn Quang: Chủ tịch HĐQT |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Cổ đông của Công ty;  - Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;  - Bộ phận CNTT (đăng trên Website);  - Lưu VT, | **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  **CHỦ TỊCH**  **Doãn Văn Quang** |

| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: 685 /BC- TMD | *Quảng Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2014* |

**BÁO CÁO**

**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2013**

**NGHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2014**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 25 tháng 4 năm 2013;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, nhiệm vụ giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2014 như sau:

**Phần I:**

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013**

Năm 2013, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới đã tác động đến nền kinh tế trong nước và Ngành than, giá than xuất khẩu giảm mạnh, tiêu thụ gặp nhiều khó khăn.

Đối với Công ty việc sản xuất kinh doanh cũng gặp rất nhiều khó khăn như: tài nguyên từ mức -100 trở lên gần như kết thúc, Công ty tập trung khai thác ở mức dưới -100, diện sản xuất rộng, áp lực mỏ lớn, khí và nước nhiều, cung độ vận chuyển ngày càng xa, đi lại khó khăn, chi phí thăm dò, an toàn bảo hộ lao động, môi trường, các loại thuế, phí bồi thường giải phóng mặt bằng tăng… Các yếu tố này không những gây khó khăn cho sản xuất mà làm cho giá thành sản xuất ngày càng tăng cao.

Tuy nhiên Công ty cũng có những thuận lợi cơ bản: Cơ chế điều hành ngày càng hoàn thiện, nội bộ đoàn kết, được sự ủng hộ của nhân dân và chính quyền địa phương các cấp, của Tập đoàn. Vì vậy các chỉ tiêu cơ bản năm 2013 Công ty đã thực hiện tương đối tốt, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**1. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Thực hiện** | **Kế hoạch** | **So sánh(%)** |
| **(A)** | **(B)** | (C) | (1) | (2) | (3=1/2) |
| **A** | **Chỉ tiêu hiện vật** |  |  |  |  |
| 1 | Than sản xuất | tấn | 1.502.028 | 1.550.000 | 96,9 |
|  | - Than Hầm lò | tấn | 1.209.561 | 1.350.000 | 89,6 |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Thực hiện** | **Kế hoạch** | **So sánh(%)** |
| **(A)** | **(B)** | (C) | (1) | (2) | (3=1/2) |
|  | - Than Lộ thiên | 1000 tấn | 292.467 | 200.000 | 146,2 |
| 2 | Mét lò đào tổng số | m | 18.515 | 19.700 | 94,6 |
| 2.1 | Đào lò XDCB | m | 887 | 900 | 98,6 |
| 2.2 | Đào lò chuẩn bị sản xuất | m | 17.628 | 18.800 | 93,8 |
|  | Hệ số đào lò CBSX | m/1000T | 14,6 | 14,01 | 104,0 |
| 3 | Bốc xúc đất đá | m3 | 2.830.413 | 2.000.000 | 141,5 |
|  | Hệ số bóc đất đá | m3/tấn | 9,68 | 10,0 | 96,8 |
| 4 | Than tiêu thụ tổng số | tấn | 1.497.997 | 1.515.000 | 98,9 |
| 5 | Doanh thu tổng số | tr.đồng | 1.557.647 | 1.451.347 | 107,3 |
|  | Trong đó: DT bán than | tr.đồng | 1.424.715 | 1.397.647 | 101,9 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | tr.đồng | 37.352 | 36.957 | 101,1 |
| 7 | Thu nhập bình quân | 1000/ng/thg | 9.329 | 9.359 | 99,7 |
| 8 | Cổ tức | % | 12 | 12 | 100,0% |

1. **Công tác đầu tư xây dựng cơ bản**

Cùng với sản xuất kinh doanh năm 2013, Công ty thực hiện khối lượng đầu tư tương đối lớn: Lò chứa nước và bể lắng bùn mức -250 khu Trung tâm và Đông Bắc Mông Dương, Hệ thống bơm thoát nước tại hầm bơm mức -250; Hệ thống thẻ tích hợp nhiều mặt quản lý; Toa xe goòng chở người; Hệ thống bộ đàm liên lạc không dây phục vụ toa xe chở người; Hệ thống camera theo dõi tuyến trục; Barie mềm tuyến trục trong hầm lò... và đã đưa vào hoạt động hỗ trợ cho công tác sản xuất, quản lý của Công ty.

Tổng giá trị đầu tư là: 156.895 tr. đồng/KH 162.356 tr.đồng đạt 96,2%.

Trong đó: + Xây lắp 62.758 triệu đồng/ 64.310 tr.đg; đạt 97,6 %.

+ Thiết bị: 78.283 triệu đồng/ 82.546 tr.đg; đạt 94,8%.

+ Chi phí khác: 15.944 tr.đg/ 15.500 tr.đg; đạt 102,9%

**Tóm lại**: Năm 2013, mặc dù nền kinh tế đất nước, Ngành than còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo Tập đoàn, chính quyền địa phương, sự phối kết hợp của các đối tác; sự cố gắng của tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty và bằng nhiều giải pháp quản lý điều hành, Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đề ra, doanh thu, chi phí sản xuất đạt so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 37,35 tỷ đồng, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho hơn 4.000 cán bộ công nhân viên có thu nhập bình quân đạt 9.329.000 đồng/người tháng, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

**Phần II:**

**NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2014**

**-** Năm 2014 kinh tế thế giới và trong nước vẫn gặp nhiều khó khăn, giá cả thị trường tăng cao, giá than chưa được cải thiện, đây vẫn là điều đáng ngại nhất.

- Sản lượng than khai thác hầm lò 100% ở dưới mức -100 -:- -250 diện khai thác rộng, áp lực mỏ lớn, khí và nước nhiều**,** cung độ vận chuyển ngày càng xa, đi lại khó khăn, chi phí thăm dò, an toàn BHLĐ, môi trường, các loại thuế phí, bồi thường GPMB tăng… các yếu tố này chẳng những khó khăn cho sản xuất mà làm giá thành tăng cao trong khi giá bán giảm .

\***Thuận lợi**: Năm 2013 Công ty đã hoàn thành dự án khai thác giai đoạn II, cơ sở hạ tầng, môi trường và điều kiện sản xuất được cải thiện đáng kể. Đội ngũ CBCNV đã có nếp, tác phong công nghiệp trong SXKD và có tinh thần đoàn kết, sáng tạo là những điều kiện thuận lợi để bước vào thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014.

**2.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2014**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **KH 2014** | **Ghi chú** |
| 1 | Than sản xuất | 1000 tấn | 1.600.000 |  |
|  | - Than Hầm lò | 1000 tấn | 1.400.000 |  |
|  | - Than Lộ thiên | tấn | 200.000 |  |
| 2 | Mét lò đào tổng số | m | 19.795 |  |
|  | Trong đó:- Đào lò XDCB | m | 50 |  |
|  | - Đào lò chuẩn bị sản xuất | m | 19.745 |  |
|  | - Hệ số đào lò CBSX | m/1000T | 14,10 |  |
| 3 | Bốc xúc đất đá | m3 | 2.200.000 |  |
|  | Hệ số bóc đất đá | m3/tấn | 11,0 |  |
| 4 | Than tiêu thụ tổng số | tấn | 1.556.000 |  |
| 5 | Doanh thu bán than | tr.đồng | 1.571.633 |  |
|  | Trong đó: Doanh thu than | tr.đồng | 1.571.633 |  |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | tr.đồng | 38.909 |  |
| 7 | Thu nhập bình quân | 1000đg/ng/thg | 9.506 |  |
| 8 | Cổ tức (dự kiến) | % | 10-:-15 |  |

**2.2. C¸c chØ tiªu ®Çu t­ duy tr× s¶n xuÊt**

Mục tiêu đầu tư: Thực hiện có hiệu quả Dự án Đầu tư thiết bị DTSX năm 2014 và các năm sau đáp ứng cho sản xuất kinh doanh của Công ty; hoàn thiện trạm quạt gió mức +16 để cải thiện mạng gió chung; phấn đấu hoàn thiện phần thô của lô nhà C2; Chuẩn bị các điều kiện cho Dự án Đầu tư khai th¸c ®Õn hÕt ®¸y tÇng than (Dù ¸n Giai ®o¹n III).

Tæng gi¸ trÞ ®Çu t­: 112.996 triÖu ®ång; Trong ®ã:

- X©y l¾p: 48.723 triÖu ®ång;

- ThiÕt bÞ: 53.473 triÖu ®ång;

Trong đó: (1) Thiết bị dự án Đầu tư khai thác giai đoạn II: Hệ thống quạt giã chÝnh 2K56-No24 (lắp đặt ở cửa lò +16);

(2) Thiết bị dự án duy trì sản xuất năm 2014 và các năm sau: tập trung đầu tư vào các thiết bị phục vụ duy trì sản xuất mỏ như: Thiết bị định vị GPS cho ô tô, máy xúc, máy gạt; Thiết bị cơ giới hoá nạo vét bùn bể lắng hầm bơm; Xe gạt; xe ô tô vận tải than và đất đá; Giá chống thuỷ lực phân thể có độ dốc đến 450; áp tô mát phòng nổ và máy cắt phòng nổ …

- Chi phí quản lý, tư vấn, GPMB và phi phí khác: 10.800 triệu đồng.

**2.3. Các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch năm 2014**

1. Giải pháp về điều hành sản xuất: Tiếp tục đổi mới cải tiến phương pháp điều hành, cơ khí hóa tối đa những công việc có thể áp dụng được, tăng cường công tác kiểm tra để kiểm soát toàn bộ hoạt động sản xuất. Nâng cao năng lực điều hành cho đội ngũ cán bộ chỉ huy trực tiếp. Rà soát, lập bổ sung hoàn thiện quy trình làm việc cho tất cả các công việc trong toàn Công ty.

Rà soát lại dây chuyền sản xuất, tìm các giải pháp thiết lập lại, cải tiến hướng vào gọn nhẹ càng hiệu quả.

Để đảm bảo sản xuất được ổn định, ngay từ đầu năm phải bám sát nhu cầu thị trường để đẩy nhanh công tác tiêu thụ, phấn đấu đảm bảo sản lượng than sản xuất tiêu thụ trong năm.

Tổ chức sản xuất, kỷ luật lao động ở các đơn vị phải được xiết chặt ngay từ đầu năm.

2. Giải pháp về công nghệ: Rà soát chi tiết tất cả các khâu công nghệ để tìm ra tồn tại, thiết lập lại và chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các chu kỳ, trình tự, lịch trình sản xuất để đạt được năng suất cao.

Chủ động nghiên cứu và phối hợp với các cơ quan Tư vấn lựa chọn công nghệ trong khai thác, đào lò, vận tải, có tính tiên tiến hơn, phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

Tổ chức giao khoán tài nguyên cho các Công trường khai thác.

Khảo sát chi tiết hiện trường trước khi tiến hành lập biện pháp kỹ thuật thi công đảm bảo phướng án đưa ra là tối ưu nhất đảm bảo: An toàn, năng suất, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Giải pháp công tác đầu tư: Tập trung sắp xếp lại công tác quản lý và tổ chức thực hiện đầu tư một cách hệ thống từ con người, hồ sơ cách thức theo đúng phân cấp quản lý và đồng bộ ở tất cả các bộ phận liên quan.

N¨m 2014 tËp trung vµo c¸c dù ¸n:

\* Dù ¸n Khu nhµ ë c«ng nh©n: hoàn thành phần thô và hệ thống phòng cháy của lô nhà C2;

\* Đưa 02 hệ thống quạt gió chính 2K56-No24 vào hoạt động để cải thiện mạng gió của mỏ.

3. Giải pháp về đời sống lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp:

Thực hiện tốt các giải pháp đưa đón CBCNV từ nơi ở đến vị trí làm việc.Duy trì tốt việc chăm sóc người lao động từ ăn định lượng, tắm giặt, vui chơi, giải trí, thăm quan, nghỉ dưỡng và khám chữa bệnh.

Làm tốt công tác từ thiện giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Xây dựng các nhà tình nghĩa và tặng các phần quà cho người nghèo nhân ngày tết cổ truyền của dân tộc.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan doanh nghiệp trên địa bàn trong các hoạt động cộng đồng tạo một sự gắn kết và phát triển hài hoà.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng bảo vệ và thực thi pháp luật của các cấp, tạo ra một sự đồng bộ đảm bảo an ninh trật tự trong khai trường, trong sản xuất kinh doanh và chính trị nội bộ.

Trên đây là toàn bộ những nội dung Báo cáo về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 và nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2014 của Công ty, xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** | **GIÁM ĐỐC** |
| - Cổ đông của Công ty;  - Uỷ viên HĐQT, Ban Kiểm soát;  - Phòng CNTT (Đăng trên Wetsite);  - Lưu VT, HĐQT. | **Khuất Mạnh Thắng** |

| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: /BC- TMD | *Quảng Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2014* |

**BÁO CÁO**

**TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2013**

Kính gửi: Quý vị Cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 25 tháng 4 năm 2013;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ HĐQT giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán như sau:

**Phần thứ nhất:**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| **Mã số** | **Chỉ tiêu** | **Thời điểm** | |
| --- | --- | --- | --- |
| **01/01/2013 (đ)** | **31/12/2013 (đ)** |
| **\*** | **TÀI SẢN** |  |  |
| **100** | **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **149.950.498.550** | **238.975.618.580** |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.923.957.291 | 2.046.021.699 |
| 120 | II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 0 | 0 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 84.989.914.720 | 195.550.876.267 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 56.235.684.320 | 34.554.283.803 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | 4.800.492.219 | 6.824.436.811 |
| **200** | **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | **777.684.617.429** | **814.851.641.733** |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | 6.905.087.832 | 7.130.424.292 |
| 220 | II. Tài sản cố định | 738.319.659.690 | 762.015.055.580 |
| *221* | *1. Tài sản cố định hữu hình* | *609.778.082.440* | *676.491.120.850* |
| *230* | *4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang* | *128.541.577.250* | *85.523.934.730* |
| 250 | IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 21.799.000.000 | 21.799.000.000 |
| 260 | V. Tài sản dài hạn khác | 10.660.869.907 | 23.907.161.861 |
| **270** | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **927.635.115.979** | **1.053.827.260.313** |
| **\*** | **NGUỒN VỐN** |  |  |
| **300** | **A. NỢ PHẢI TRẢ** | **715.939.250.887** | **839.513.279.713** |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | 229.081.159.740 | 303.865.440.090 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | 486.858.091.147 | 535.647.839.623 |
| **400** | **B. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **211.695.865.092** | **214.313.980.600** |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 205.466.577.225 | 208.651.516.467 |
| *411* | *1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu* | *150.839.520.000* | *150.839.520.000* |
| *413* | *3. Vốn khác của chủ sở hữu* | *11.263.667.234* | *11.263.667.234* |
| *417* | *7. Quỹ đầu tư phát triển* | *29.341.327.108* | *32.526.266.350* |
| *418* | *8. Quỹ dự phòng tài chính* | *14.022.062.883* | *14.022.062.883* |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 6.229.287.867 | 5.662.464.133 |
| *432* | *2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ* | *6.229.287.867* | *5.662.464.133* |
| **440** | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **927.635.115.979** | **1.053.827.260.313** |

**Phần thứ hai:**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

| **Mã số** | **Chỉ tiêu** | **Thời điểm** | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm trước (đ)** | **Năm nay (đ)** |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.568.359.098.488 | 1.554.327.469.210 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.568.359.098.488 | 1.544.327.469.210 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 1.400.127.904.349 | 1.303.318.502.350 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 168.231.194.139 | 241.008.966.860 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 4009.674.001 | 358.788.743 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 42.290.273.277 | 71.488.786.741 |
| 23 | *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | *42.290.273.277* | *71.488.786.741* |
| 24 | 8. Chi phí bán hàng | 23.475.508.326 | 28.528.415.860 |
| 25 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 82.598.878.407 | 111.705.162.116 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 23.876.208.130 | 29.645.390.886 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 41.926.782.686 | 12.961.364.976 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 29.844.626.473 | 5.253.981.883 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | 12.082.156.213 | 7.707.383.093 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 35.958.364.343 | 37.352.773.979 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 9.763.167.804 | 8.635.567.439 |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 26.195.196.539 | 28.717.206.540 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.737 | 1.904 |

**Phần thứ ba:**

**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Năm trước** | **Năm nay** |
| **1** | **Cơ cấu tài sản** |  |  |  |
|  | Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 83,84 | 77,32 |
|  | Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 16,16 | 22,68 |
| **2** | **Cơ cấu nguồn vốn** |  |  |  |
|  | Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 77,18 | 79,66 |
|  | Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 22,82 | 20,34 |
| **3** | **Tỷ suất lợi nhuận** |  |  |  |
|  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 2,82 | 2,73 |
|  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 1,62 | 1,86 |
|  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH | % | 12,37 | 13,4 |

Xin trân trọng cám ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;  - Bộ phận CNTT (Đăng trên Website);  - Lưu VT, | **GIÁM ĐỐC**    **Khuất Mạnh Thắng** |

| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: 688 /TTr- TMD | *Quảng Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2014* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc: Phân phối lợi nhuận năm 2013**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Thông tư số số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần than Mông Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và chế độ tài chính kế toàn hiện hành.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013 như sau:

**I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Tổng lợi nhuận trước thuế (Dự kiến):** | **37.352.773.979** | **đồng** |
| **2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (25%):** | **8.635.567.439** | **đồng** |
| **3. Lợi nhuận sau thuế (LNST)** | **28.717.206.540** | **đồng** |
| a. Chia cổ tức năm 2013 (12% VĐL): | 18.100.742.400 | đồng |
| b. Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức:: | 10.616.464.140 | đồng |
| b.1. Quỹ đầu tư phát triển (30% x b): | 3.184.939.242 | đồng |
| b.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi: | 7.231.524.898 | đồng |
| b.3. Quỹ thưởng ban điều hành: | 200.000.000 | đồng |

**II. Tổ chức chi trả cổ tức như sau:** Thời điểm chốt danh sách cố đông để chi tra cổ tức: cuối quý II năm 2014. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật chứng khoán và chế độ kế toán tài chính hiện hành.

**III. Kế hoạch trả lợi tức năm 2014**:

Mức cổ tức dự kiến trả trong năm 2014: tối thiểu 12% trên vốn điều lệ.

Kính trình Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;  - Bộ phận CNTT (Đăng trên Website),  - Lưu VT, KTTC. | **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  **CHỦ TỊCH**    **Doãn Văn Quang** |

| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: 687/BC- TMD | *Quảng Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2014* |

**TỜ TRÌNH**

**Chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2013,**

**Đề xuất tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2014**

Kính gửi: Các quý vị cổ đông

**1. Báo cáo tiền thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2013:**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty Cổ phần Than Mông Dương-Vinacomin, mức thù lao HĐQT, BKS hàng tháng được tính như sau:

1.1. Chủ tịch HĐQT : 7,3 x Lmin x 30% đồng/tháng;

1.2. Thành viên HĐQT : 6,31 x Lmin x 30% đồng/người/tháng;

1.3. Trưởng Ban kiểm soát : : 6,31 x Lmin x 30% đồng/tháng;

1.4. Thành viên Ban kiểm soát : 5,98 x Lmin x 30% đồng/người/tháng;

***Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện chi trả:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chức danh | Số người | Mức phụ cấp (đ/năm) | Ghi chú |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 28.914.000 |  |
| 2 | Uỷ viên HĐQT | 4 | 99.960.000 |  |
| 3 | Trưởng BKS | 1 | 24.990.000 |  |
| 4 | Uỷ viên BKS | 2 | 47.364.000 |  |
|  | **Cộng** |  | **201.228.000** |  |

**2. Đề xuất mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2014:**

Căn cứ Nghị đinh số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ ;

Căn cứ vào điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014;

Mức thù lao năm 2014 được áp dụng mức tối đa là 20% mức tiền lương thực hiện của viên chức quản lý chuyên trách tương ứng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

***Nơi nhận:***  **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- HĐQT, BKS; Các cổ đông  **CHỦ TỊCH**

- Bộ phận CNTH (đăng thông tin trên Website)

- Lưu VP

**Doãn Văn Quang**

| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: /TTr- TMD | *Quảng Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2014* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập**

**kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2014**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông.

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát công ty được quy định tại điều 123 Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, được quy định tại điều 36 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 25tháng 4 năm 2013.

Căn cứ năng lực của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Ban Kiểm soát công ty cổ phần than Mông Dương - Viancomin xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.

**Tên công ty** : Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

**Trụ sở chính**: Số 4, Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận I Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Tên chi nhánh**: Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam tại Hà Nội.

**Trụ sở chính** : Địa chỉ 93/B1 Đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

ĐT: 04 3767 0657 FAX: 04 3757 0555

**Thực hiện nhiệm vụ** :

1. Kiểm toán báo cáo tài chính hàng quý và cả năm 2014 của Công ty.
2. Kiểm toán theo yêu cầu khác.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin thông qua.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;  - Bộ phận CNTT (Đăng trên Website)  - Lưu VT | **TM. BAN KIỂM SOÁT**  **TRƯỞNG BAN**    **Mai Tất Lã** |

| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: 686 /BC- TMD | *Quảng Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2014* |

**BÁO CÁO**

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013,**

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2014**

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông

Căn cứ chức năng quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ Tổ chức Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, HĐQT Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2013, phương hướng nhiệm vụ HĐQT năm 2014 như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2013:**

Năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm Hội đồng Quản trị đã thực hiện 25 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 33 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

1. **Các cuộc họp Hội đồng Quảng trị:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số, ký hiệu VB** | **Ngày tháng** | **Nội dung** |
| 1 | 02/NQ-HĐQT | 03/01/2013 | Nghị quyết của HĐQT V/v thông qua phê duyệt lại gói thầu số 7: Cung cấp và lắp đặt hệ thống camera theo dõi giám sát tuyến trục |
| 2 | 05/NQ-HĐQT | 23/01/2012 | Nghị quyết thông qua KQĐT gói thầu cung cấp toa xe chở ng­ười trên lò nghiêng thuộc Dự án đầu tư thiết bị DTSX 2013 |
| 3 | 06/NQ-HĐQT | 23/01/2012 | Nghị quyết thông qua KQĐT gói thầu cung cấp máy bơm nước chịu ăn mòn a xít thuộc dự án Đầu tư CTXD khai thác Giai đoạn 2. |
| 4 | 10/NQ-HĐQT | 06/02/2013 | Nghị quyết của HĐQT V/v thông qua kết quả đấu thầu gói thầu số 7: Cung cấp và lắp đặt hệ thống camera theo dõi giám sát tuyến trục |
| 5 | 14/NQ-HĐQT | 08/03/2013 | Nghị quyết thông qua kết quả xét chỉ định thầu gói thầu số 06: Lập bản vẽ thi công- dự toán công trình nhà C2 và công trình phụ trợ ngoài nhà thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà ở công nhân. |
| 6 | 23.16/NQ- HĐQT | 19/3/2013 | Nghị quyết thông qua sản xuất kinh doanh, công tác đầu t­ư xây dựng cơ bản 2013 |
| 7 | 23.17/NQ- HĐQT | 19/3/2013 | Nghị quyết thông qua Dự án Đầu t­ thiết bị DTSX năm 2013 và các năm sau- Kế hoạch đấu thầu của dự án |
| 8 | 23.18/NQ- HĐQT | 19/3/2013 | Nghị quyết thông qua Dự án Đầu XDCT khu nhà ở công nhân và Kế hoạch đấu thầu của dự án |
| 9 | 23.19/NQ- HĐQT | 19/3/2013 | Nghị quyết thông qua Quyết toán vốn DA Đầu tư­ thiết bị phục vụ các công trình xây dựng cơ bản năm 2011 |
| 10 | 23.20/NQ- HĐQT | 19/3/2013 | Nghị quyết thông qua Quyết toán vốn dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2010 |
| 11 | 23.21/NQ- HĐQT | 19/3/2013 | Nghị quyết thông qua Quyết toán vốn dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2011 |
| 12 | 23.22/NQ- HĐQT | 19/3/2013 | Nghị quyết thông qua việc thanh lý tài sản cố định và vật tư­ phế liệu thu hồi tồn kho ứ đọng; |
| 13 | 23/NQ-HĐQT | 19/3/2013 | Nghị quyết thông qua các nội dung sau: Phân phối lợi nhuận- chi trả cổ tức năm 2012; Chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013; Xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ. |
| 14 | 26/NQ-HĐQT | 14/4/2013 | Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua KQĐT gói thầu số 11: Cung cấp HT thẻ từ tích hợp nhiều mặt quản lý (DTSX 2013) và KQĐT gói thầu số 03: Cung cấp đường ống thoát nước bơm -250 (KTGĐ2) |
| 15 | 28/BB-ĐHĐCĐ | 25/4/2013 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 |
| 16 | 31/NQ-HĐQT | 06/05/2013 | Nghị quyết về việc chỉ định thầu gói Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành- Dự án đầu tư khai thác Giai đoạn 2 |
| 17 | 34/NQ-HĐQT | 09/05/2013 | Nghị quyết v/v Thông qua kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu số 06- Bộ đàm liên lạc không dây thuộc dự án Đầu tư thiết bị DTSX năm 2013 |
| 18 | 37/NQ-HĐQT | 16/5/2013 | Nghị quyết thông qua quy hoạch cán bộ năm 2011-2015 và bổ nhiệm lại cán bộ nhiệm kỳ 2013-2017 và kéo dài thời gian giữ chức đối với các cán bộ của Công ty hết nhiệm kỳ |
| 19 | 40/NQ-HĐQT | 17/6/2013 | Nghị quyết v/v thông qua kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu tủ hoà đồng bộ 2 máy phát điêzen dự phòng và thiết bị điện phòng nổ- Dự án DTSX 2013 |
| 20 | 43/NQ-HĐQT | 21/6/2013 | Nghị quyết v/v Thông qua Kết quả chỉ định thầu gói Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành- Dự án đầu tư XDCT khai thác Giai đoạn 2 |
| 21 | 46/NQ-HĐQT | 28/6/2013 | Nghị quyết của v/v thông qua Kết quả đấu thầu gói thầu số 03: Cung cấp máy xúc thuỷ lực gầu ngư­ợc 1,9-2,2m3 và điều chỉnh số lượng và giá gói thầu số 05: Cung cấp gòong 3 tấn (thuộc dự án Đầu tư thiết bị DTSX 2013) |
| 22 | 49/NQ-HĐQT | 19/7/2013 | Nghị quyết của v/v thông qua kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu số 09: Cung cấp máy toàn đạc điện tử - Thuộc dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2013. |
| 23 | 52/NQ-HĐQT | 27/08/2013 | Nghị quyết v/v Thông qua (1) Điều chỉnh kế hoạch đấu thầu của dự án Khu nhà ở công nhân (2) Kế quả đấu thầu gói thầu số 10: Thi công phá dỡ công trình cũ, xây dựng và lắp đặt thiết bị lô nhà C2- thuộc DA Khu nhà ở công nhân (3) Sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức, thực hiện công tác An toàn - Vệ sinh lao động- Công ty cổ phần than Mông Dư­ơng Vinacomin. |
| 24 | 53/NQ-HĐQT | 6/9/2013 | Nghị quyết HĐQT v/v Biểu quyết trực tiếp Thông qua kết quả CĐT gói thầu số 13- Thi công phá dỡ công trình cũ khu nhà ở CN (Dự án XD khu nhà ở CN) |
| 25 | 55/NQ-HĐQT | 23/09/2013 | Nghị quyết v/v Biểu quyết trực tiếp Thông qua báo cáo Kiểm điểm trách nhiệm chủ đầu tư trong việc thực hiện dự án đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II. |
| 26 | 58/NQ-HĐQT | 25/09/2013 | Nghị quyết v/v Thông qua Kết quả đấu thầu gói thầu số 05: cung cấp goòng đáy kín 3,3 m3 cữ đường 900 (thuộc DA Đầu tư thiết bị DTSX năm 2013) |
| 27 | 61/NQ-HĐQT | 5/10/2013 | Nghị quyết thông qua: Kết quả sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư XDCB 9 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2013; Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và huy động vốn năm 2014; Thảo luận thông qua các Quyết đinh của VINACOMIN v/v thay đổi nhân sự (Giám đốc điều hành); Tiền lương của Giám đốc điều hành năm 2013. |
| 28 | 64/NQ-HĐQT | 15/10/2013 | Nghị quyết thông qua việc điều động cán bộ |
| 29 | 67/NQ-HĐQT | 28/10/2013 | Nghị quyết thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đối với ông Khuất Mạnh Thắng |
| 30 | 70/NQ-HĐQT | 05/11/2013 | Nghị quyết HĐQT v/v Đề cương dự toán chi phá rà soát, thẩm tra và đánh giá DA Đầu tư xây dựng công trình khai thác giai đoạn 2 |
| 31 | 73/NQ-HĐQT | 15/11/2013 | Nghị quyết HĐQT v/v phê duyệt Kết quả đấu thầu gói thầu số 10: Cung cấp, hướng dẫn lắp đặt thiết bị Barie mềm tuyến trục)- thuộc dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2013 |
| 32 | 77/NQ-HĐQT | 25/12/2013 | Nghị quyết HĐQT v/v phê duyệt Điều chỉnh dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2013 |
| 33 | 81/NQ-HĐQT | 28/12/2013 | Nghị quyết thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành |

**2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:**

*a) Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật Đại hội giao:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Thực hiện** | **Kế hoạch** | **So sánh(%)** |
| **(A)** | **(B)** | (C) | (1) | (2) | (3=1/2) |
| **A** | **Chỉ tiêu hiện vật** |  |  |  |  |
| 1 | Than sản xuất | tấn | 1.502.028 | 1.550.000 | 96,9 |
|  | - Than Hầm lò | tấn | 1.209.561 | 1.350.000 | 89,6 |
|  | - Than Lộ thiên | tấn | 292.467 | 200.000 | 146,2 |
| 2 | Mét lò đào tổng số | m | 18.515 | 19.700 | 94,6 |
|  | - Đào lò XDCB | m | 887 | 900 | 98,6 |
|  | - Đào lò chuẩn bị sản xuất | m | 17.628 | 18.800 | 93,8 |
| 3 | Bốc xúc đất đá | m3 | 2.830.413 | 2.000.000 | 141,5 |
| 4 | Than tiêu thụ tổng số | tấn | 1.497.997 | 1.515.000 | 98,9 |
| **B** | **Chỉ tiêu giá trị** |  |  |  |  |
| 1 | Doanh thu tổng số | tr.đồng | 1.557.647 | 1.451.347 | 107,3 |
|  | Trong đó: DT bán than | tr.đồng | 1.424.715 | 1.397.647 | 101,9 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | tr.đồng | 37.352 | 36.957 | 101,1 |
| 3 | Tiền lương bình quân theo lao động định mức | 1.000đ/ng /tháng | 9.329 | 9.359 | 99,7 |
| 4 | Cổ tức | % | 12 | 12 | 100,0 |

*b) Các chỉ tiêu về bảo tồn và phát triển nguồn vốn*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Thời điểm (31/12)** | | **Tỉ lệ**  **%** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm 2013** | **Năm 2012** |
| **(A)** | **(B)** | (C) | (1) | (2) | (3=1/2) |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | tr.đồng | 214.314 | 211.695 | 101,2 |
| 2 | Tài sản dài hạn | tr.đồng | 814.852 | 777.684 | 104,8 |
| 3 | Nghĩa vụ thuế | tr.đồng | 191.465 | 202.936 |  |
| 4 | Hệ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu | % | 17,54 | 17,46 |  |
| 5 | Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu | Lần | 3,91 | 3,38 |  |

\* Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh: Năm 2013, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới đã tác động đến nền kinh tế trong nước và ngành than gặp khó khăn trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm, tồn kho và thiếu việc làm ở mức cao. Đặc biệt Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin đang tập trung khai thác ở mức dưới -100 diện khai thác rộng, áp lực mỏ lớn, khí và nước nhiều, cung độ vận chuyển ngày càng xa, đi lại khó khăn, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, môi trường còn có nhiều vướng mắc... song với truyền thống đoàn kết, vượt khó, năng động sáng tạo của tập thể lãnh đạo cán bộ công nhân viên nên Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ, hoạt động tài chính lành mạnh, bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh.

**3. Về nhiệm vụ giám sát của Hội đồng Quản trị:**

- Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đề ra. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc tiêu chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

- Ban lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không xẩy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

***\* Tóm lại:*** Năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông.

**II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2014.**

Trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2014, cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu như trong phương hướng đã nêu.

2. Tập trung hoàn thiện dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác giai đoạn II, mua sắm thiết bị phục vụ duy trì sản xuất và xây dựng lô nhà C2 trong dự án xây dựng nhà ở công nhân.

3. Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tái cấu trúc theo chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, đồng thời phải xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.

4. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật... Tăng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm.

5. Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2013, phương hướng năm 2014, Hội đồng Quản trị xin báo cáo Quý vị cổ đông.

Xin trân trọng cám ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;  - Bộ phận CNTT (Đăng trên Website)  - Lưu VT | **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  **CHỦ TỊCH**    **Doãn Văn Quang** |

| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: /BC- TMD | *Quảng Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2014* |

**BÁO CÁO**

**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT; ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG**

**QUẢN LÝ, SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2013,**

**THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013,**

**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2014.**

**Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần**

**than Mông Dương – VINACOMIN**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013;

Căn cứ Điều 123 Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và Điều 35 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin, về “Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát”

Căn cứ Quy chế của Ban Kiểm soát công ty theo quyết định số 4480/QĐ-BKS ngày 21/12/2011 của Trưởng ban Kiểm soát Công ty về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ban Kiểm soát Công ty.

Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thay mặt Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin trước Đại hội đồng cổ đông, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty và báo cáo đánh giá hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh của Công ty năm 2013, báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2013.

**PHẦN THỨ I**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**.

**I. Báo cáo hoạt động.**

**1. Cơ cấu tổ chức**: Ban Kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ được tiến hành chủ động theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Các hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty được tiến hành đều đặn hàng quý trong năm và qua điện thoại, hoặc Email.

**2. Các hoạt động của Ban kiểm soát.**

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát theo chức năng được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như sau:

2.1. Giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các Quy chế, Quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty cổ phần than Mông dương- Vinacomin do HĐQT Công ty ban hành.

2.2. Giám sát hoạt động của giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch điều hành phối hợp kinh doanh năm 2013 giữa Giám đốc Công ty và Tổng giám đốc Tập đoàn, việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các quy định của Giám đốc Công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

2.3. Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, kiểm soát báo cáo thực hiện đầu tư XDCB và báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty, xem xét các báo cáo kiểm toán của các Công ty kiểm toán độc lập.

2.4. Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của Công ty.

2.5. Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật (bao gồm nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác…)

**3. Nhận xét chung về hoạt động của Ban Kiểm soát.**

Nhìn chung trong năm 2013 vừa qua, Ban Kiểm soát của Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông giao phó, góp phần trong việc hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty đã đăng ký với TKV.

Trong năm Ban Kiểm soát Công ty đã thường xuyên và đều đặn tổ chức các cuộc kiểm tra, kiểm soát hàng quý về tình hình sản xuất, kinh doanh, về hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, về báo cáo tài chính hàng quý của Công ty các cuộc kiểm tra, kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc và thông báo kết quả kiểm tra, kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo điều hành và các Trưởng, Phó phòng ban trong Công ty để cùng tiếp thu và thực hiện khắc phục những tồn tại, phát huy những mặt mạnh, ưu điểm…

Năm 2013, Ban Kiểm soát Công ty không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào của cổ đông và CBCNV Công ty về tình hình hoạt động, quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo điều hành Công ty.

Năm 2013, Ban Kiểm soát Công ty không có quyết định kiểm tra, kiểm soát về các hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động quản lý của Công ty, ngoại trừ việc kiểm tra định kỳ theo quy định và kế hoạch của Ban Kiểm soát.

Trong quá trình tham gia kiểm tra, kiểm soát, giám sát Ban Kiểm soát công ty đã tư vấn cho Bộ máy điều hành của Công ty hoàn thiện các mặt quản lý nhằm giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả hơn, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và TKV.

**II. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty**.

**1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.**

Đến hết năm 2013 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh. Các quy trình hoạt động đều tuân thủ theo yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ của Công ty và TKV.

Qua các kỳ kiểm tra định kỳ, Ban Kiểm soát đồng ý với đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện.

**2.Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban lãnh đạo điều hành và cán bộ quản lý của Công ty.**

Ban Kiểm soát đã xem xét các Nghị quyết họp thường kỳ của HĐQT công ty, tất cả các ủy viên HĐQT đều đã thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định, đề cao trách nhiệm trước cổ đông và người lao động.

Trong năm 2013 Hội đồng quản trị đã tổ chức họp thường kỳ, ngoài ra còn tổ chức họp các cuộc họp đột xuất khác. HĐQT đã đề ra các chủ trương quan trọng định hướng cho kế hoạch SXKD của Công ty đồng thời thống nhất chủ trương về thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2013 của Công ty, phấn đấu thực hiện kế hoạch và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Công ty với TKV.

Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo điều hành đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo điều lệ Công ty quy định, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra ổn định trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động phức tạp.

Ban giám đốc điều hành đã chủ động sáng tạo trong công việc, trong hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu do Hội đồng Quản trị Công ty và TKV giao, năm 2013 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh so với kế hoạch điều chỉnh, bảo toàn và phát triển được vốn, thu nhập của người lao động được đảm bảo, thực hiện tốt nghĩa vụ thu nộp đối với ngân sách Nhà nước, đảm bảo an toàn về vốn và tài sản trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chiến lược phát triển kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành xây dựng và chỉ đạo phù hợp với môi trường kinh doanh của công ty trong từng thời điểm.

Ban Kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty

**3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Ban giám đốc**.

Nhìn chung năm 2013, Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, ban giám đốc. Nhận được sự tạo điều kiện thuận lợi của các phòng ban trong Công ty. Tuy nhiên, thông tin liên lạc giữa Ban kiểm soát Công ty và các cổ đông hầu như không có.

Ban Kiểm soát Công ty dự kiến trong năm 2014 sẽ chủ động sử dụng các hình thức như email, điện thoại… và trao đổi trực tiếp với các cổ đông để tiếp thu những ý kiến đóng góp của các cổ đông trong các mặt hoạt động của Công ty.

**PHẦN THỨ II**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**CỦA CÔNG TY NĂM 2013.**

1. **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **ĐVT** | **Kế hoạch năm 2013** | | **Thực hiện năm 2013** | **So sánh (%)** | |
| **Quyết định 6579** | **Quyết định 2142** | **TH/QĐ 256** | **TH/QĐ 2142** |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3/1 | 5=3/2 |
| **I. Than sản xuất tổng số** | **Tấn** | **1.550.000** | **1.525.000** | **1.502.028** | **96,91** | **98,49** |
| *1. Than Hầm lò* | *“* | *1.350.000* | *1.250.000* | *1.209.561* | *89,60* | 96,76 |
| *2. Than Lộ thiên* | *“* | *200.000* | *275.000* | *292.467* | *146,23* | 106,35 |
| *3. Than mua* | *“* |  |  |  |  |  |
| **II. Than sạch sản xuất** | **“** | **212.500** | **276.000** | **297.406** | **139,96** | **107,76** |
| a. Than sạch từ nguyên khai | “ | 212.500 | 276.000 | 297.406 | 139,96 | 107,76 |
| b. Than sạch mua | “ |  |  |  |  |  |
| **III. Than thành phẩm** | **“** | **212.500** |  | **297.406** | **139,96** |  |
| 1. Than tiêu chuẩn VN | “ | 202.500 |  | 287.126 | 141,79 |  |
| 2. Than tiêu chuẩn cơ sở | “ | 10.000 |  | 10.280 | 102,80 |  |
| **IV. Đất đá bốc xúc** | **M3** | **2.000.000** | **2.750.000** | **2.830.413** | **141,52** | **102,92** |
| *- Đất sản xuất* | *“* | *2.000.000* | *2.750.000* | *2.830.413* | *141,52* | 102,92 |
| *Trong đó: Thuê ngoài* | *“* | *1.100.000* |  | *1.713.853* | *155,80* |  |
| **V. Mét lò tổng số** | **M** | **19.700** | **19.000** | **18.515** | **93,98** | **97,45** |
| *1. Mét lò CBSX* | *“* | *18.800* | *18.100* | *17.628* | *93,77* | 97,39 |
| *2. Mét lò XDCB* | *“* | *900* | *900* | *887* | *98,56* | 98,56 |
| *Trong đó: Thuê ngoài* | *“* |  |  |  |  |  |
| **VI. Mét lò xén** | **M** | **3000** |  | **2.960,0** |  |  |
| 1. Lò chống sắt | “ | 3000 |  | 2.960,0 |  |  |
| 2. Lò chống gỗ | “ |  |  |  |  |  |
| **V. Hệ số:** |  |  |  |  |  |  |
| *1. Hệ số bóc đất đá (hệ số ĐC)* | *M3/tấn* | *10,00* |  | *9,68* | *96,80* |  |
| *2. Hệ số đào lò* | *m/1000t* | *14,01* | *14,57* | *14,73* | *105,14* | 101,10 |
| **VI. Than tiêu thu tổng số** | **Tấn** | **1.515.000** | **1.476.000** | **1.497.997** | **98,88** | **101,49** |
| 1. Bán cho TT Cửa Ông | “ | 1.300.000 | 1.200.000 | 1.201.548 | 92,43 | 100,13 |
| *1.1. Than nguyên khai* | *“* | *1.300.000* | *1.200.000* | *1.201.548* | *92,43* | *100,13* |
| *Trong đó: - Sạch trong NK* | *“* | *1.105.000* | *1.020.000* | *1.024.282* | *92,70* | *100,42* |
| *1.2. Than sạch* | *“* |  |  |  |  |  |
| 2. Bán cho KVCP | “ | 215.000 | 276.000 | 295.120 | 137,27 | 106,93 |
| *2.1. Than nguyên khai* | *“* |  |  |  |  |  |
| *Trong đó: sạch trong NK* | *“* |  |  |  |  |  |
| *2.1. Than sạch* | *“* | *215.000* |  | *295.120* | *137,27* |  |
| 3. Bán cho các hộ khác | “ |  |  |  |  |  |
| 4. Than tự dùng | “ |  |  | 1.329 |  |  |
| **VII. Doanh thu tổng số** | **Tr.đ** | **1.451.347** |  | **1.557.648** | **107,32** |  |
| *1. Doanh thu than* | *“* | *1.397.647* |  | *1.424.716* | *101,94* |  |
| *2. Doanh thu khác* | *“* | *53.700* |  | *132.932* | *247,55* |  |
| **VIII. Lợi nhuận trước thuế** | **Tr.đ** | **36.957** |  | **37.353** | **101,07** |  |
| **IX. Trích nộp Quỹ tập trung** | |  |  |  |  |  |
| - Quỹ thăm dò khảo sát | % | 1,80 |  | 1,80 | 100,00 |  |
| - Quỹ cấp cứu mỏ | % | 0,10 |  | 0,10 | 100,00 |  |
| **- Quỹ đào tạo, chăm sóc sức khỏe và PHCN** | **%** | **0,20** |  | **0,20** | **100,00** |  |
| - Quỹ môi trường | % | 1,35 |  | 1,35 | 100,00 |  |
| - Quỹ đổi mới cơ cấu LĐ | % | 1,00 |  | 1,00 | 100,00 |  |
| **X. Lao động, thu nhập và tiền lương** |  |  |  |  |  |  |
| - Lao động định mức | Người | 4.751 |  | 4.517 | 95,07 |  |
| *Trong đó: Tiết giảm lao động* | *%* | *3* |  |  |  |  |
| - Tiền lương bình quân theo lao động định mức | 1000đ/ng/thg | 9.359 |  | 9.329 | 99,66 |  |
| *Trong đó: Tiền lương SX than* | *“* | *9.315* |  | *9.150* | *98,22* |  |
| - Đơn giá tiền lương | Đ/1000đ DT | 370,9 |  | 390,9 | 100,00 |  |
|  |  | **Đầu kỳ** |  | **Cuối kỳ** |  |  |
| **VIII. Than tồn kho** | **“** | **72.794** |  | **27.588** |  |  |
| *1. Nguyên khai* | *“* | *71.046* |  | *24.753* |  |  |
| *2. Than sạch dở dang* | *“* | *1.878* |  | *2.835* |  |  |

**2. Nhận xét đánh giá chung.**

**2.1.** **Về sản xuất kinh doanh.**

Trong năm 2013 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế trong nước và thế giới, tình hình sản xuất kinh doanh toàn Tập đoàn bị ảnh hưởng, đã ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh năm 2013 của công ty, các chỉ tiêu than sản xuất, mét lò đào đều đạt gần bằng kế hoạch điều chỉnh, các chỉ tiêu khác đạt và vượt kế hoạch điều chỉnh năm 2013.

Đánh giá chung: Trong cả năm 2013, mặc dù tình hình thời tiết bất ổn định, mưa nhiều đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất, kinh doanh của Công ty, các chi phí sản xuất, phục vụ chống mưa bão, bơm nước tăng. Tình hình địa chất hầm lò biến động ảnh hưởng nhiều đến sản xuất than trong hầm lò, công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị tăng nhiều đã làm tăng chi phí vật tư, nguyên vật liệu, chi phí nhân công, ảnh hưởng lớn đến công tác quản trị chi phí và giá thành cũng như hiệu quả của sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng với nỗ lực của tập thể CBCNV toàn Công ty, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty vẫn đảm bảo kế hoạch lợi nhuận, thu nhập của người lao động ổn định, đời sống, vật chất tinh thần của CNV được đảm bảo.

**2.2.** **Về thuê ngoài vận chuyển, bốc xúc đất đá.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **KH năm 2013** (QĐ số 2635/QĐ-VINACOMIN ngày 20/12/2012) | **Thực hiện năm 2013** | | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **Khối lương** | **Giá trị (VND)** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | ***(6= 4 / 3\*100)*** |
| **1** | **Tổng số phá dỡ (m3)** | **1.279.000** | **1.010.768** | **12.107.195.012** | **79,02** |
| *1.1* | *Phá dỡ moong H.10* |  |  |  |  |
| *1.2* | *Phá vỡ vỉa I-12 CĐ* |  |  |  |  |
| *1.3* | *Phá vỡ vỉa II-11 CĐ* |  |  |  |  |
| **2** | **Bốc xúc đất đá ( m3):** | **1.845.000** | **1.729.086** | **11.722.525.494** | **93,71** |
| **3** | **Vận chuyển đất đá (Tkm):** | **4.133.000** | **6.602.207** | **35.064.319.305** | **159,74** |
| **4** | **San gạt đất đá đổ thải (m3)** |  | **61.834** | **239.810.094** |  |
| **5** | **Xúc than kẹp (tấn)** |  | **19.834** | **126.527.914** |  |
| **6** | **Xúc tải lọc trong than (ca)** |  | **6,7** | **37.630.556** |  |
| **Tổng cộng** | |  |  | **59.298.008.375** |  |

**Nhận xét:** Năm 2013 công tác lựa chọn nhà thầu bốc xúc, vận chuyển đất đá của Công ty, về trình tự cơ bản đã tuân thủ theo và các quy định của Tập đoàn và của Nhà nước. Song Công ty cũng cần xem xét việc áp dụng thực hiện hình thức đấu thầu theo đúng hướng dẫn yêu cầu quy định hiện hành.

Công tác triển khai thực hiện theo đúng nội dung chỉ tiêu kế hoạch được Tập đoàn phê duyệt.

**2.3. Về khoán, quản trị chi phí.**

Công tác khoán, quản trị chi phí năm 2013 của Công ty với Tập đoàn thực hiện theo quy định. Kết quả khoán, quản trị chi phí năm 2013 của Công ty bội chi 8.751 triệu đồng (Do Tập đoàn tiết giảm 5% chi phí đầu vào ≈ 79 tỷ đồng), Doanh thu than sau quyết toán khoán theo quy chế đạt là 1.424.715 triệu đồng tăng so với doanh thu than theo giá KH là 52.377 triệu đồng, lợi nhuận sau khoán đạt 37.352 triệu đồng. Phản ánh sự nỗ lực trong công tác quản trị chi phí, quản lý giá thành và quản lý các chỉ tiêu kỹ thuật, công nghệ của Công ty ngày một tốt hơn.

Công tác khoán và quản trị chi phí được thực hiện với tất cả các đơn vị trong toàn Công ty hàng tháng, quý và hàng năm thường xuyên tại Công ty. Trong năm 2013 Công ty đã giao khoán và thực hiện thanh quyết toán khoán với các đơn vị trong Công ty, giá trị quyết toán chênh lệch là 3.264 triệu đồng, (trong đó 07 đơn vị thực hiện bội chi, số tiền là (-) 573 triệu đồng; 13 đơn vị thực hiện tiết kiệm, số tiền tiết kiệm là (+) 3.837 triệu đồng; 07 đơn vị hòa vốn chi phí).

**2.4. Về thực hiện đầu tư XDCB năm 2013 và quyết toán vốn đầu tư XDCB hoàn thành của các hạng mục, dự án hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2013**.

**a. Thực hiện đầu tư XDCB năm 2013.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch (điều chỉnh) năm 2013**  (VB số 5233/ VINACOMIN-ĐT ngày 03/10/2013) | **Thực hiện**  **năm 2013 (Tr.đồng)** | **Tỷ lệ %** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|  | **Tổng số** | **169.551,00** | **156.895,06** | **92,5** |
|  | ***Trong đó:*** |  |  |  |
|  | ***- Trả nợ KL năm trước*** | ***-*** |  |  |
|  | ***- Kế hoạch năm*** | **169.551,00** | **156.895,06** | **92,5** |
| 1 | Xây dựng | 64.310,00 | 62.757,92 | 97,6 |
| 2 | Thiết bị | 89.741,00 | 78.282,71 | 87,2 |
| 3 | Chi phí khác | 15.500,00 | 15.854,43 | 102,3 |
|  | **Nguồn vốn:** |  |  |  |
|  | - Vốn vay TM: | 145.445,00 | 156.895,06 | **107,9** |
|  | - Vốn KHTS: | 20.655,00 | - | **-** |
|  | - Vốn ĐTPT của đơn vị, khác: | 3.450,00 | - | **-** |

Các nội dung công việc đầu tư xây dựng thực hiện trong năm 2013 của Công ty được triển khai thực hiện thuộc các hạng mục, dự án được ghi trong kế hoạch được Tập đoàn thông qua.

**b.****Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:**

Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện đầu tư hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng các 06 công trình dự án, sử dụng vốn của Công ty và vốn Môi trường tập trung. Các dự án hoàn thành Công ty đã thực hiện lập báo cáo quyết toán vốn, thực hiện kiểm toán, thẩm định và phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định, đúng Luật.

**PHẦN THỨ III**

**THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013.**

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty như sau :

1. Xác nhận tính tuân thủ thực hiện kế hoạch trong hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Công ty cổ phần than Mông Dương và TKV năm 2013.

2. Xác nhận tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và độ tin cậy trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban giám đốc điều hành công ty.

3. Xác nhận tính trung thực, chính xác trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, tài chính và lập báo cáo tài chính năm 2013. Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn TKV, đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã do Công ty kiểm toán độc lập “*Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt nam “* kiểm toán, số liệu trong báo cáo tài chính năm 2013 đã được Ban kiểm soát Công ty thẩm định xác nhận tính minh bạch, rõ ràng, và độ tin cậy của báo cáo tài chính năm 2013 với các chỉ tiêu chủ yếu sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu**. | **ĐVT** | **Năm 2013** |
| **A. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu**. |  |  |
| **I. Tổng tài sản** |  | **1.053.827.260.313** |
| 1. Tài sản ngắn hạn |  | 238.975.618.580 |
| Trong đó : Tiền |  | 2.046.021.699 |
| 2. Tồn kho và dở dang cuối kỳ |  | 34.967.889.040 |
| *2.1. Nguyên vật liệu tồn kho* |  |  |
| *2.2. Công cụ dụng cụ tồn kho* |  |  |
| *2.3. Thành phẩm tồn kho* |  | *5.190.603.878* |
| *2.4. Bán thành phẩm tồn kho* |  | *15.632.578.968* |
| *2.5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho* |  | *-* |
| 3. Tài sản dài hạn |  | - |
| **II. Tổng nguồn vốn** | Đồng |  |
| 1. Tổng nợ phải trả |  | 839.513.279.713 |
| *Trong đó: Nợ ngắn hạn* |  | *303.865.440.090* |
| 3. Vay và nợ ngắn hạn |  | 303.865.440.090 |
| 4. Vay và nợ dài hạn |  | 535.647.839.623 |
| 5. Vốn chủ sở hữu |  | 214.313.980.600 |
| *Trong đó : - Vốn đầu tư của chủ SH (Mã 411)* | *Đồng* | *150.839.520.000* |
| *- Vốn khác CSH (Mã 413)* |  | *11.263.667.234* |
| *- Quĩ ĐTPT (Mã 417)* |  | *32.526.266.350* |
| *- Quĩ DPTC (Mã 418)* |  | *14.022.062.883* |
| *- Nguồn KP đã hình thành TSCĐ* |  | *5.662.464.133* |
| **III. Kết quả SXKD** |  |  |
| 1. Tổng thu nhập | Đồng | 1.557.647.622.929 |
| 2. Doanh thu thuần | Đồng | 1.544.327.469.210 |
| 3. Tổng chi phí hoạt động | Đồng | 1.520.294.848.950 |
| 4.Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 37.352.773.979 |
| 5.Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 28.717.206.540 |
| 6.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cp) | đ/CP | 1.904 |
| 7. Cổ phiếu | cp |  |
| **B. Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp**. |  |  |
| 1. Vòng quay vốn lưu động | vòng | 6,46 |
| 2. Khả năng thanh toán. |  |  |
| 2.1. Khả năng thanh toán hiện hành | lần | 1,26 |
| 2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | lần | 0,79 |
| 2.3. Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,01 |
| 3. Hệ số nợ ( Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu ) | lần | 4,02 |
| 4. Hệ số nợ ( Nợ phải trả/ vốn điều lệ ) | lần | 5.56 |
| 5. Tỷ suất sinh lời |  |  |
| 5.1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản(ROA) | % | 2,73 |
| 5.2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần | % | 1,86 |
| 5.3. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Vốn chủ sở hữu | % | 13,40 |
| 5.4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu | % | 19,03 |
| 6. Mức độ bảo toàn vốn | lần | 1,10 |

**PHẦN THỨ IV**

**PHƯỚNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2014**.

Để hoàn thành nhiệm vụ giám sát, kiểm soát năm 2014, Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các Quy chế, Quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin do HĐQT Công ty ban hành.

2. Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch điều hành phối hợp kinh doanh năm 2014 giữa Giám đốc Công ty và Tổng giám đốc Tập đoàn Vinacomin, việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các quy định của Giám đốc công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

3. Xây dựng kế hoạch, chương trình để thực hiện kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, kiểm soát báo cáo thực hiện đầu tư XDCB và báo cáo tài chính năm 2014 của công ty, xem xét các báo cáo kiểm toán của các Công ty kiểm toán độc lập.

4. Xem xét, thẩm tra việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của Công ty.

5. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật (bao gồm nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác…)

6. Kiểm soát việc thực hiện quỹ tiền lương, thực hiện lao động, thu nhập và thực hiện quyền lợi của người lao động và các hoạt động khác, theo Biên bản nghị quyết Hội nghị người lao động năm 2014 và Biên bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua.

Kính chúc các quý vị cổ đông mạnh khỏe.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;  - Bộ phận CNTT (Đăng trên Website)  - Lưu VT | **TM. BAN KIỂM SOÁT**  **TRƯỞNG BAN**  **Mai Tất Lã** |

| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: 689 /BC- TMD | *Quảng Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2014* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc: Sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ: Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 71/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin được Đại hội hội đồng cổ đông thông qua này 25/4/2013 và Công văn số 945/TKV-TCCB ngày 25/2/2014 của TKV, HĐQT Công ty đề nghị sửa đổi Khoản 01 Điều 40 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty như sau:

| **Khoản 1 Điều 40 Điều lệ được ĐHĐCĐ thông qua ngày 25/4/2013** | **Khoản 1 Điều 40 Điều lệ đề nghị sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- |
| 1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định, phần còn lại được sử dụng như sau:  a) Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty;  b) Chia cổ tức;  c) Trích lập quỹ dự phòng tài chính;  d) Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi. | 1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có), trích các Quỹ theo quy định, nộp thuế nhu nhập doanh nghiệp, phần còn lại được sử dụng như sau:  a) Chia cổ tức;  b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;  c) Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật. |

Các điều khoản khác được giữ nguyên như điều lệ hiện hành.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;  - Bộ phận CNTT (Đăng trên Website);  - Lưu VT. | **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  **CHỦ TỊCH**    **Doãn Văn Quang** |

| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: 690 /TTr- TMD | *Quảng Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2014* |

**TỜ TRÌNH**

**V/v Thay đổi Uỷ viên Hội đồng quản trị giữa nhiệm kỳ**

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 25 tháng 4 năm 2013”;

Căn cứ các Quyết định ngày 01/10/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV):

Quyết định số 1830/QĐ-Viancomin “Ông Doãn Văn Quang- Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin thôi ứng cử giữ chức Giám đốc Công ty từ ngày 01/10/2013”;

Quyết định số 1832/QĐ-Viancomin “Ông Vũ Tiến Quang- Phó Giám đốc Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin thôi là Người đại diện của TKV tại Công ty thôi ứng cử giữ chức Uỷ viên Hội đồng quản trị từ ngày 01/10/2013.

Quyết định số 1833/QĐ-Viancomin TKV giới thiệu ông Khuất Mạnh Thắng nguyên Trưởng ban Kỹ thuật, công nghệ mỏ TKV cử làm người đại diện của TKV tham gia quản lý tại Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin, giới thiệu tham gia Hội đồng Quản trị và ứng cử giữ chức vụ Giám đốc Công ty.

Để duy trì việc điều hành sản xuất của Công ty, ngày 05/10/2013 Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thống nhất một số nội dung sau:

(1) Ông Doãn Văn Quang- Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin Chủ tịch Hội đồng quản trị thôi giữ chức Giám đốc Công ty;

(2) Ông Vũ Tiến Quang- Phó Giám đốc thôi là Người đại diện của TKV tại Công ty và thôi là thành viên Hội đồng Quản trị;

(3) Ông Khuất Mạnh Thắng- Người đại diện của TKV tại Công ty giữ chức thành viên Hội đồng Quản trị và bổ nhiệm chức Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ uỷ viên HĐQT của ông Thắng là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;  - Bộ phận CNTT (Đăng trên Website);  - Lưu VT, | **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  **CHỦ TỊCH**    **Doãn Văn Quang** |

| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| --- | --- |
| Số: /NQ- TMD | *Quảng Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2014* |

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 25 tháng 4 năm 2013;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty được tổ chức vào ngày 16 tháng 4 năm 2014,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2014 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu đã nêu:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Thực hiện** | **Kế hoạch** | **So sánh(%)** |
| **(A)** | **(B)** | (C) | (1) | (2) | (3=1/2) |
| **A** | **Chỉ tiêu hiện vật** |  |  |  |  |
| 1 | Than sản xuất | tấn | 1.502.028 | 1.550.000 | 96,9 |
|  | - Than Hầm lò | tấn | 1.209.561 | 1.350.000 | 89,6 |
|  | - Than Lộ thiên | tấn | 292.467 | 200.000 | 146,2 |
| 2 | Mét lò đào tổng số | m | 18.515 | 19.700 | 94,6 |
|  | - Đào lò XDCB | m | 887 | 900 | 98,6 |
|  | \* Hệ số đào lò CBSX | m/1000T | 14,6 | 14,01 | 104,0 |
|  | - Đào lò chuẩn bị sản xuất | m | 17.628 | 18.800 | 93,8 |
| 3 | Bốc xúc đất đá | m3 | 2.830.413 | 2.000.000 | 141,5 |
|  | \* Hệ số bóc đất đá | m3/tấn | 9,68 | 10,0 | 96,8 |
| 4 | Than tiêu thụ tổng số | tấn | 1.497.997 | 1.515.000 | 98,9 |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Thực hiện** | **Kế hoạch** | **So sánh(%)** |
| **(A)** | **(B)** | (C) | (1) | (2) | (3=1/2) |
| **B** | **Chỉ tiêu giá trị** |  |  |  |  |
| 1 | Doanh thu tổng số | tr.đồng | 1.557.647 | 1.451.347 | 107,3 |
|  | Trong đó: DT bán than | tr.đồng | 1.424.715 | 1.397.647 | 101,9 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | tr.đồng | 37.352 | 36.957 | 101,1 |
| 3 | Tiền lương bình quân theo lao động định mức | 1.000đ/ng /tháng | 9.329 | 9.359 | 99,7 |
| 4 | Cổ tức | % | 12 | 12 | 100,0 |

1. ***Nhiệm vụ SXKD năm 2014.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **KH 2014** | **Ghi chú** |
| 1 | Than sản xuất | tấn | 1.600.000 |  |
|  | - Than Hầm lò | tấn | 1.400.000 |  |
|  | - Than Lộ thiên | tấn | 200.000 |  |
| 2 | Mét lò đào tổng số | m | 19.795 |  |
|  | - Đào lò XDCB | m | 50 |  |
|  | - Đào lò chuẩn bị sản xuất | m | 19.745 |  |
| 3 | Bốc xúc đất đá | m3 | 2.200.000 |  |
| 4 | Than tiêu thụ tổng số | tấn | 1.556.000 |  |
| 5 | Doanh thu bán than | tr.đồng | 1.571.633 |  |
|  | Trong đó: Doanh thu than | tr.đồng | 1.571.633 |  |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | tr.đồng | 38.909 |  |
| 7 | Thu nhập bình quân | 1000đg/ng/thg | 9.506 |  |
| 8 | Cổ tức (dự kiến) | % | 10-:-15 |  |

**Điều 2.** Thông qua báo cáo tài chính của Công ty năm 2013 do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam- chi nhánh Hà Nội kiểm toán gồm một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| \* Tài sản tổng số: | 1.053.827.260.313 | đồng; |
| * Tài sản ngắn hạn: | 238.975.618.580 | đồng; |
| * Tài sản dài hạn: | 814.851.641.733 | đồng; |
| \* Tổng nguồn vốn: | 1.053.827.260.313 | đồng; |
| * Nợ phải trả: | 839.513.279.713 | đồng; |
| * Vốn chủ sở hữu: | 214.313.980.600 | đồng; |
| \* Doanh thu bán hàng....: | 1.557.647.622.929 | đồng; |
| \* Lợi nhuận trước thuế: | 37.532.773.979 | đồng; |
| \* Lợi nhuận sau thuế: | 28.717.206.540 | đồng; |
| \* Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.904 |  |

**Điều 3**. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2013 như sau:

| **STT** | **Nội dung** | **Số tiền (đ)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lợi nhuận trước thuế** | **37.352.773.979** |  |
| 1 | Trích nộp thuế TNDN (25%) | 8.635.567.439 |  |
| **II** | **Lợi nhuận sau thuế** | **28.717.206.540** | **II= ( I- 1)** |
| 1 | Chia cổ tức: 12% vốn điều lệ | 18.100.742.400 |  |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích khoản 1: | 10.616.464.140 |  |
| 2.1 | Trích quỹ đầu tư phát triển: 30% | 3.184.939.242 |  |
| 2.2 | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 7.231.524.898 |  |
| 2.3 | Quỹ thưởng Ban quản lý ĐHSX | 200.000.000 |  |

**Điều 4.** Thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2013 là: **201.228.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm linh một triệu, hai trăm hai tám ngàn đồng chẵn)** và mức thù lao từng chức danh HĐQT, BKSnăm 2014 như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức danh** | **Mức phụ cấp hàng tháng (đồng)** | **Ghi chú** |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | = 7,30 x Lmin x 30% |  |
| 2 | Uỷ viên HĐQT | = 6,31 x Lmin x 30% |  |
| 3 | Trưởng BKS | = 6,31 x Lmin x 30% |  |
| 4 | Uỷ viên BKS | = 5,98 x Lmin x 30% |  |

***\*Ghi chú***: Lmin là mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định cho từng thời điểm.

**Điều 5.** Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2013, phương hướng, nhiệm vụ năm 2014.

**Điều 6.** Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về đánh giá công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành trong năm 2013.

**Điều 7.** Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam- chi nhánh Hà Nội, trụ sở chính: Số 93/B1, Đường Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin.

**Điều 8.** Thông qua việc thay đổi uỷ viên Hội đồng quản trị:

(1) Ông Vũ Tiến Quang- Phó Giám đốc thôi là Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Khoáng sản Việt Nam tại Công ty và thôi là thành viên Hội đồng Quản trị;

(2) Ông Khuất Mạnh Thắng- Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Khoáng sản Việt Nam tại Công ty giữ chức thành viên Hội đồng Quản trị và bổ nhiệm chức Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ uỷ viên HĐQT của ông Thắng là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

**Điều 9.** Thông qua việc Sửa đổi tiết 1 Điều 40 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin theo các văn của hướng dẫn của Nhà nước như sau:

“1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có), trích các quỹ theo quy định, nộp thuế nhu nhập doanh nghiệp, phần còn lại được sử dụng như sau:

1. Chia cổ tức;
2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;

c) Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.”

**Điều 10.** Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin năm 2014 thông qua một cách hợp pháp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2014.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua trong Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - TKV; UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội: TTLK Việt Nam (b/c);  - Các cán bộ quản lý; Các cổ đông của Công ty;  - Các đơn vị, phòng ban (ecopy); Bộ phận CNTT đăng trên trang Web;  - Lưu: VT; HĐQT. | **THƯ KÝ** | **TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  **CHỦ TỌA** |
|  |  |
|  | **CHỦ TỊCH HĐQT** |
| **Nguyễn Thế Hanh** | **Doãn Văn Quang** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆP  THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| **CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-TKV** | |  |
| Số:  **09** /QC-H§QT | *Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2009* | |

QUY CHẾ

**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG-TKV**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần than Mông Dương-TKV.

Công ty cổ phần than Mông Dương -TKV ban hành Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty như sau:

# **Chương I:**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng.**

1. Quy chế này quy định thể thức tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần than Mông Dương - TKV và quyền, nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội.

2. Các cổ đông của Công ty và các đối tượng tham dự đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

**Điều 2. Quyền của các cổ đông khi tham dự đại hội.**

1. Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người đại diện tham dự đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của đại hội.

2. Được Ban tổ chức đại hội gửi giấy triệu tập đại hội kèm theo, quy chế tổ chức đại hội, chương trình đại hội hoặc những văn bản quan trọng để nghiên cứu và góp ý trước bằng văn bản cho Ban tổ chức đại hội để tổng hợp, hoặc để thảo luận trực tiếp tại đại hội.

3. Được phát thẻ biểu quyết với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện. Mỗi cổ phần là một phiếu biểu quyết.

4. Cổ đông không đăng ký dự họp hoặc gửi giấy đăng ký dự họp muộn quá quy định sẽ không có tên trong danh sách đại biểu đại hội. Cổ đông đã đăng ký nếu đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

**Điều 3. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự đại hội**

1. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

2. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ toạ đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

3. Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự đại hội.

4. Mang theo giấy mời họp kèm theo giấy uỷ quyền (trong trường hợp được uỷ quyền) và giấy tờ tuỳ thân (chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu), trình cho ban kiểm tra tư cách cổ đông.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đại hội thành lập, có trách nhiệm:

- Lập danh sách cổ đông tham dự đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra đại hội;

- Thu và kiểm tra các giấy mời họp, giấy uỷ quyền tham dự đại hội;

- Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không;

- Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để trình trước đại hội;

- Phát thẻ biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường;

3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ toạ và Thư ký đại hội**

1. Chủ toạ đại hội:

1.1. Do Điều lệ Công ty quy định, chủ toạ đại hội là Ông chủ tịch HĐQT Công ty.

1.2. Chủ toạ đại hội có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Điều khiển đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.

b) Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội.

c) Có quyền trì hoãn đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của đại hội.

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Thư ký đại hội do Chủ toạ giới thiệu để Đại hội thông qua. Thư ký có nhiệm vụ giúp việc Chủ toạ điều hành đại hội, ghi chép và đọc biên bản, nghị quyết đại hội đồng thời giúp việc HĐQT và Ban kiểm soát họp trong trường hợp bầu mới hoặc bầu bổ sung.

# **Chương II**

# **TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

**Điều 6. Điều kiện tiến hành đại hội**

Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông được mời họp khi quyết định triệu tập đại hội (theo quy định tại Điều 102 Luật doanh nghiệp).

**Điều 7. Trình tự tiến hành đại hội**

**1. Đại hội trù bị.**

Trong các trường hợp xét thấy cần thiết,Công ty sẽ tổ chức đại hội trù bị vào ngày trước ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông chính thức, trường hợp này sẽ được thông báo cụ thể trong giấy triệu tập đại hội.

**2. Đại hội chính thức.**

2.1. Đại hội chính thức diễn ra theo trình tự và bao gồm các nội dung sau đây:

a) Làm thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông dự đại hội;

b) Công tác chuẩn bị và khai mạc;

c) Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông;

d) Giới thiệu chủ toạ đại hội, thông qua danh sách thư ký đại hội;

đ) Thông qua chương trình nghị sự của đại hội;

e) Thảo luận và thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty (nếu có);

h) Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo hình thức bỏ phiếu kín (nếu có);

j) Thảo luận và thông qua kết quả SXKD và báo cáo tài chính, phương hướng kinh doanh của Công ty, mức cổ tức, trích lập các quỹ;

k) Báo cáo của HĐQT, ban kiểm soát;

m) Công bố kết quả bầu cử (nếu có);

n) Thông qua việc niêm yết cổ phiếu, phát hành cổ phiếu của Công ty (nếu có).

o) Thông qua biên bản, nghị quyết đại hội và bế mạc đại hội.

Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại luật doanh nghiệp.

2.2. Hình thức biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình đại hội.

a) Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình đại hội đều thực hiện theo hình thức giơ phiếu biểu quyết (trừ bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát và thông qua đoàn thư ký đại hội). Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua từng vấn đề được thực hiện theo khoản 1 và khoản 2 điều 19 điều lệ Công ty.

b) Việc biểu quyết bầu các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín, bầu theo phương pháp dồn phiếu quy định tại điều 37 điều lệ Công ty.

**Điều 8. Xử lý trường hợp tổ chức đại hội đồng cổ đông không thành**

1. Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ số lượng đại biểu cổ đông cần thiết quy định tại Điều 6 quy chế này thì đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không thành.

2. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại (đại hội lần thứ 2) cần có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì phải triệu tập đại hội lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần 2.

3. Trong đại hội lần thứ 3 bất kỳ số lượng cổ đông nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề của đại hội đồng cổ đông.

# **Chương III**

# **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 9.** Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần than Mông Dương – TKV ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-TKV**

**CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Các cổ đông của Công ty;

- Ban tổ chức đại hội; ***(Đã ký)***

- HĐQT,BKS;

- Lưu TCLĐ **Phùng Mạnh Đắc**

|  |
| --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**  **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**  **Tên cổ đông (Hoặc đại diện):** .................................................................................... **M· sè biÓu quyÕt:**  **Nội dung câu hỏi:** |